

Các phương án tài chính nhằm nâng cao năng suất và giá trị của rừng sản xuất tại Việt Nam

Thúc đẩy Tăng trưởng Xanh thông qua đầu tư vào rừng



Những điểm chính

- Sau thành công trong giảm tỷ lệ mất rừng và tăng độ che phủ của rừng từ năm 1990, Việt Nam đang ở trong giai đoạn bản lề về chuyển đổi ngành lâm nghiệp.
- Các mô hình kinh doanh trồng rừng chu kỳ dài, có giá trị cao là có lãi và có thể thu hút đầu tư tư nhân, đồng thời gia tăng các lợi ích về môi trường.
- Việc triển khai thực hiện các mô hình kinh doanh trồng rừng đề xuất vẫn gặp phải một số rào cản, bao gồm nhiều năm có dòng tiền âm và giai đoạn chênh lệch thanh khoản.
- Một số phương án tài chính hiện có có thể hỗ trợ giải quyết một phần giai đoạn chênh lệch thanh khoản nhưng cần có chương trình đầu tư của nhà nước để nhân rộng và thu hút đầu tư tư nhân, nhằm tận dụng được động lực phát triển của ngành lâm nghiệp giá trị cao.

Acknowledgement

This project is financially supported by Germany's International Climate Initiative (ICI). The German Federal Ministry for the Environment, Nature Conservation, Building and Nuclear Safety (BMUB) supports this initiative on the basis of a decision adopted by the German Bundestag.

Duncan Gromko
UNIQUE forestry and land use GmbH

Phạm Thị Liên Hòa
Independent Consultant

Till Pistorius
UNIQUE forestry and land use GmbH

Giới thiệu

Mặc dù độ che phủ rừng ở Việt Nam đã tăng lên đáng kể trong những thập kỷ gần đây, nhưng chất lượng rừng, đặc biệt là rừng trồng, vẫn cần phải cải thiện và tạo cơ hội để gia tăng các lợi ích về kinh tế và môi trường. Từ năm 1943 đến 1990, độ che phủ rừng ở Việt Nam đã giảm từ 43% xuống còn 27% do mở rộng sản xuất nông nghiệp, khai thác gỗ bất hợp pháp, phát triển đô thị và các yếu tố khác gây ra nạn phá rừng trên diện rộng. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều bước hành động quan trọng để đảo ngược xu hướng này và gia tăng độ che phủ của rừng, đặc biệt là sửa đổi Luật Đất đai và các chính sách liên quan, thực hiện Chương trình 5 triệu ha rừng và ban hành lệnh cấm khai thác gỗ từ rừng tự nhiên (Bộ NN&PTNT, 2017). Tuy nhiên, chất lượng của rừng trong cả nước nhìn chung còn thấp. Khoảng 68% diện tích rừng lá rộng trong cả nước bị suy thoái hoặc suy thoái nghiêm trọng (Bộ NN&PTNT, 2016). Diện tích rừng trồng chủ yếu là rừng trồng có chu kỳ ngắn, có giá trị thấp, phần lớn là rừng trồng Keo để sản xuất gỗ dăm (Cục Kiểm lâm, 2017). Tuy nhiên, rừng trồng Keo đã và đang góp phần đáng kể vào việc phục hồi đất và tạo tiền đề để thực hiện bước tiến tiếp theo hướng đến quản lý rừng bền vững.

Việt Nam hiện đang đối mặt với bước ngoặt quan trọng, đó là phải đảm bảo giá trị kinh tế và sinh thái của rừng tiếp tục được cải thiện; Tăng cường sản xuất lâm sản có giá trị cao là một yếu tố trọng yếu nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi rừng và ngành lâm nghiệp của đất nước. Xây dựng và thực hiện các mô hình kinh doanh rừng sản xuất có lợi nhuận cao có thể đẩy nhanh quá trình chuyển đổi này bằng cách thu hút đầu tư vào lâm nghiệp. Dựa trên bối cảnh của các mục tiêu tăng trưởng xanh ở Việt Nam, Công ty UNIQUE đã xây dựng các mô hình kinh doanh phù hợp, khả thi đối với trồng rừng sản xuất ở Việt Nam và hỗ trợ thực hiện các mô hình này bằng cách giải quyết những thách thức chính. Báo cáo này trình bày tóm tắt các mô hình kinh doanh trồng rừng có giá trị cao và xem xét các giải pháp để có thể triển khai nhân rộng các mô hình kinh doanh rừng trồng bền vững thông qua thu hút đầu tư. Bản tóm tắt chính sách này là một sản phẩm của Dự án 'Các mô hình kinh doanh rừng trồng trong bối cảnh REDD +', được Tổ chức Sáng kiến Khí hậu Quốc tế của Đức (ICI) thuộc Bộ Môi trường Liên bang Đức (BMUB) tài trợ.

Đầu tư vào rừng sản xuất có thể thúc đẩy tăng trưởng xanh

Ngành lâm nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu giảm nhẹ biến đổi khí hậu thông qua giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD +) và tăng độ che phủ rừng lên 45% vào năm 2020. Trong Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh, Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu đạt được Tăng trưởng kinh tế toàn diện, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính từ 8-10% vào năm 2020. Rừng trồng - và tiềm năng tạo lợi nhuận kinh tế thông qua việc bán các sản phẩm từ gỗ (HWP) - có thể tăng độ che phủ rừng đồng thời giảm áp lực lên rừng tự nhiên. Nhu cầu của Việt Nam đối với gỗ và các sản phẩm từ gỗ ngày càng tăng; đáp ứng nhu cầu này thông qua sản xuất gỗ trong nước sẽ tạo ra gần 250.000 việc làm, tăng thêm 5 tỷ USD vào GDP của Việt Nam và giúp hấp thụ được 70 triệu tấn CO₂ vào năm 2040 (Ngân hàng thế giới 2017). Tuy nhiên, đầu tư và thay đổi chính sách là cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực nhằm tái cơ cấu lại ngành lâm nghiệp và thúc đẩy các sản phẩm rừng có giá trị cao, đặc biệt là thông qua Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020 nhằm tăng giá trị xuất khẩu lâm nghiệp bằng cách chuyển đổi trồng rừng chu kỳ ngắn sang chu kỳ dài nhằm sản xuất các sản phẩm gỗ có giá trị cao hơn. Chính

phủ cũng đã ban hành một số chính sách khuyến khích trồng rừng chu kỳ dài, bao gồm hỗ trợ trực tiếp và cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi thông qua các ngân hàng nhà nước. Ngoài các chính sách hỗ trợ tài chính cho sản xuất gỗ có giá trị cao, việc sở hữu trong lâm nghiệp cũng đang được đổi mới thông qua chương trình “cổ phần hóa” hoặc tư nhân hóa các công ty lâm nghiệp nhà nước (SFCs).

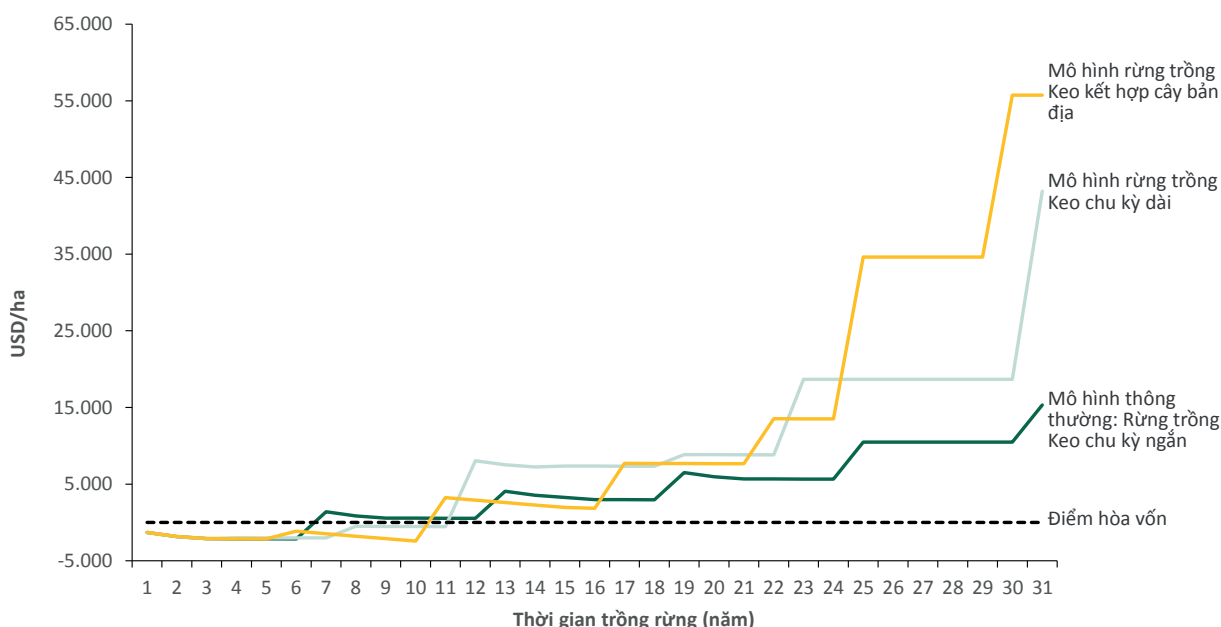
REDD+ và cộng đồng phát triển quốc tế đã bổ sung các hoạt động cho chương trình hiện có và những hoạt động này cần được xem như là công cụ giúp Việt Nam chuyển đổi sang tiến trình trồng rừng và lâm nghiệp có giá trị cao (Hoan và Catacutan 2014). Vào năm 2009, đề nghị hỗ trợ tài chính cho quá trình chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD của Chính phủ Việt Nam đã được Ban Chương trình UN-REDD (UN-REDD 2010) phê duyệt. Kể từ đó, Việt Nam đã chuẩn bị Đề xuất chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD (R-PP) và Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch Hành động REDD+ Quốc gia (NRAP). Với những bước tiến triển này, Việt Nam là một ứng viên tiến vào giai đoạn III của REDD+: giai đoạn thực hiện đầy đủ với các hoạt động để tạo ra các khoản thanh toán dựa trên hiệu quả hoạt động (Pistorius và đồng sự 2017).

Mô hình kinh doanh trồng rừng giá trị cao

Các mô hình rừng trồng sản xuất có chu kỳ dài mang lại nhiều lợi nhuận hơn các mô hình hiện tại và có thể thu hút đầu tư tư nhân, đồng thời gia tăng lợi ích về khí hậu. Diện tích rừng trồng hiện nay chủ yếu là rừng trồng Keo có chu kỳ ngắn (4 - 7 năm), phần lớn để sản xuất gỗ dăm. Quá trình chuyển đổi sang mô

hình rừng trồng Keo chu kỳ dài sẽ kéo dài thời điểm khai thác cuối cùng đến năm thứ 12, cho gỗ lớn có chất lượng cao hơn. Mô hình kinh doanh rừng trồng thứ ba là trồng xen (theo băng) một số loài bản địa vào rừng trồng Keo, làm tăng giá trị gỗ, đồng thời mang lại các lợi ích về khí hậu và đa dạng sinh học. Bảng 1

Hình 1: Dòng tiền lũy kế đối với ba mô hình kinh doanh rừng trồng



Bảng 1: Tóm tắt các mô hình kinh doanh rừng trồng

	Thời gian chu kỳ (năm)	Giá trị thương mại tăng trung bình hàng năm (m3/ha)	Giá sản phẩm chất lượng cao nhất (USD)	Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR)	Tấn CO2e tương đương được hấp thu (trung bình dài hạn)
Rừng trồng Keo chu kỳ ngắn	6	17.4	77-123	15.8%	65
Rừng trồng Keo chu kỳ dài	11	17.1	77-123	19.1%	114
Rừng trồng Keo kết hợp loài bản địa	30	14.8 (Keo) / 11.2 (loài bản địa)	164-364	18.6%	146

dưới đây tóm tắt các tác động kinh tế và môi trường của các mô hình kinh doanh này, nếu được thực hiện trong điều kiện thực địa tốt và áp dụng phương thức quản lý chuyên nghiệp.

Các mô hình trồng rừng có chu kỳ dài hơn mang lại lợi nhuận và khả năng hấp thụ lượng các-bon cao hơn, tuy nhiên chưa tạo ra doanh thu đáng kể trong những năm đầu và cần nhiều thời gian hơn để đạt điểm hòa vốn (Hình 1). Mô hình trồng Keo chu kỳ dài có tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR) cao nhất trong ba mô hình: hơn 19%. Khả năng sinh lợi của mô hình mới này

được nâng cao nhờ rừng trồng gỗ lớn có giá cao hơn so với mô hình trồng rừng chu kỳ ngắn chủ yếu bán gỗ dăm. Trong khi đó, mô hình rừng trồng Keo kết hợp các loài bản địa có tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR) ở mức hấp dẫn, nhưng thấp hơn mô hình trồng rừng Keo chu kỳ dài do dòng tiền bị âm trong những năm đầu. Cả hai mô hình này đều cần thời gian để đạt điểm hòa vốn (12 năm đối với rừng trồng Keo chu kỳ dài và 11 năm đối với mô hình trồng Keo kết hợp với các loài bản địa), khiến cho giai đoạn chênh lệch thanh khoản có thể khó khăn đối với đầu tư của chủ rừng, và chính vì thế cần có đầu tư từ bên ngoài.

Rào cản và giải pháp cho đầu tư trồng rừng tăng trưởng xanh

Mặc dù hai mô hình kinh doanh rừng trồng có nhiều tiềm năng thương mại, nhưng lại gặp phải một số rào cản về đầu tư vào trồng rừng chu kỳ dài. Lý do chính là các mô hình này chưa được triển khai trên diện rộng, nên vẫn còn nhiều hoài nghi về khả năng sinh lợi. Cụ thể là mô hình kinh doanh rừng trồng Keo kết hợp loài bản địa chưa được thực hiện ở quy mô thương mại, và ý tưởng này cần được chứng minh trên thực tiễn

nhằm tăng sự tin tưởng đối với mô hình. Việc thiếu các phương án tài chính dài hạn đã hạn chế đầu tư để có thể giải quyết giai đoạn chênh lệch thanh khoản. Hơn nữa, một số khó khăn trong các giai đoạn của chuỗi giá trị lâm nghiệp cũng ảnh hưởng đến sự đầu tư; ví dụ, các vườn ươm sản xuất cây giống các loài bản địa có chất lượng rất hạn chế, gây khó khăn đối với việc trồng rừng các loài này.

	Bằng chứng về khái niệm	Huy động vốn	Vườn ươm	Trồng rừng	Khai thác và vận chuyển	Giá trị tăng thêm	Thị trường
Rào cản	Thiếu sự tin tưởng về khả năng sinh lợi của các mô hình kinh doanh	- Giai đoạn chênh lệch thanh khoản - Rủi ro tín dụng - Cung cấp các sản phẩm tín dụng phù hợp - Hạn điền - Rủi ro do gió bão, sâu bệnh hại, cháy rừng	Cây giống có chất lượng	- Quản lý kỹ thuật trồng rừng (như giám sát tăng trưởng của rừng, tỉa cành và tỉa thưa) - Quản lý kinh doanh rừng trồng	- Cơ sở hạ tầng kém - Áp lực xã hội về khai thác sớm rừng trồng	Thiếu nguồn đầu vào có chất lượng cao	Tiếp cận giá mua gỗ cao từ một số thị trường quốc tế đảm bảo
Giải pháp	- Xây dựng các lô rừng trình diễn - Mở rộng ảnh hưởng để xúc tiến các mô hình - Xác định những đơn vị/cá nhân địa phương tiên phong thực hiện mô hình	- Các sản phẩm huy động vốn phù hợp - Hỗ trợ kỹ thuật đối với hạn điền - Các sản phẩm bảo hiểm rừng trồng	- Trợ giá cây giống - Cải thiện nguồn giống	- Đào tạo, tập huấn quản lý rừng trồng - Lập kế hoạch kinh doanh - Chuyển đổi sang quản lý rừng trồng thương mại - Tư nhân hóa các công ty lâm nghiệp nhà nước	- Tập trung vào các diện tích rừng trồng để tiếp cận - Các chương trình trồng rừng dựa vào cộng đồng	Đầu tư vào chuỗi tự cung ứng để gia tăng sản xuất gỗ	Liên kết các dự án thúc đẩy FSC hiện có với các mô hình kinh doanh

Các phương án tài chính

Hiện nay, nhà nước đã xây dựng một số chính sách có thể hỗ trợ trồng rừng sản xuất có giá trị cao. Thông qua Quyết định 38 và Nghị định 75, các hộ gia đình có đủ điều kiện được hưởng một số khoản trợ cấp để trồng và quản lý rừng. Tuy nhiên, nguồn lực phân bổ cho các chương trình này rất ít, làm hạn chế hiệu quả của các chính sách. Quyết định 886 ban hành năm 2017 đã xác định thêm nguồn lực sẽ được phân bổ cho ngành lâm nghiệp. Và Chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) cũng đã có các chính sách khuyến khích chủ rừng trồng rừng mới hoặc bảo vệ rừng hiện có, và các chính sách này có thể hỗ trợ triển khai các mô hình kinh doanh trồng rừng nói trên.

Mặc dù Nhà nước đã có một số phương án tài chính để đầu tư vào trồng rừng dài hạn nhưng những phương án này chưa đủ để tạo xúc tác đối với bước chuyển đổi ngành lâm nghiệp Việt Nam. Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP) đã thành lập Quỹ quay vòng, cung cấp tín dụng cho trồng rừng sản xuất, với thời gian vay 15 năm và thời gian ân hạn 7 năm. Các công

ty chế biến gỗ, như Scansia, cũng cung cấp tín dụng dài hạn cho các bên cung cấp gỗ mà họ hợp tác liên kết, nhằm khuyến khích trồng rừng gỗ lớn. Ngoài các phương án này, hầu hết các phương án tài chính trong nước không đưa ra thời gian ân hạn hoặc kỳ hạn vay đủ dài để hỗ trợ các mô hình kinh doanh được đề xuất. Lãi suất cho vay cao của các ngân hàng thương mại cũng hạn chế cho vay trong phát triển trồng rừng. Cả các hộ gia đình và công ty lâm nghiệp nhà nước đều được cho là chưa có đủ năng lực quản lý kinh doanh nhạy bén, và điều này khiến các nhà đầu tư tư nhân chưa sẵn sàng cho vay để trồng rừng. Việc tiếp tục duy trì quyền sở hữu nhà nước đối với các công ty lâm nghiệp và tiến trình triển khai tư nhân hoá các công ty nhà nước hiện tại cũng hạn chế việc đầu tư vào ngành lâm nghiệp. Các tổ chức tài chính đa phương rất quan tâm đến việc cho vay phát triển lâm nghiệp, nhưng khác với các tổ chức tài chính địa phương, họ không thể cung cấp khoản vay cho các đối tượng kinh doanh với quy mô tương đối nhỏ.

Hỗ trợ tài chính hiện có và cần thiết đối với trồng rừng giá trị cao

Rừng trồng Keo chu kỳ ngắn

Hiện có

- Hỗ trợ ngân sách đối với các công ty lâm nghiệp nhà nước
- Các khoản vay có thời hạn ưu đãi



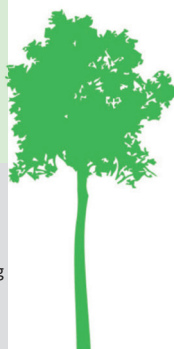
Rừng trồng Keo chu kỳ dài

Cần thiết:

- Mở rộng Quỹ quay vòng của Ngân hàng CSXH
- Đầu tư tư nhân đối với trồng rừng
- Các nguồn ngân sách hỗ trợ từ Quyết định 38 và Nghị định 75

Hiện có:

- Quyết định 886
- Quỹ quay vòng của Ngân hàng CSXH đã hoạt động ở 5 tỉnh
- Chi trả DVMTR (PFES)



Rừng trồng Keo kết hợp với các loài bản địa

Cần thiết:

- Hỗ trợ xây dựng các vườn ươm
- Xây dựng các mô hình trình diễn, đặc biệt là thông qua các BQL RPH

Hiện có:

- Có rất ít chính sách hỗ trợ, đặc biệt là đối với trồng rừng các loài cây bản địa.



Khuyến nghị

Trong khi có nhiều chương trình khuyến khích trồng rừng Keo chu kỳ dài và trồng Keo kết hợp cây bản địa, việc triển khai thực hiện các mô hình này trên diện rộng vẫn rất hạn chế nếu không được hỗ trợ thêm. Một số bước sau đây có thể triển khai thực hiện nhằm tăng cường đầu tư vào trồng rừng theo các mô hình này.

Tăng sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, bao gồm cả Quỹ Khí hậu Xanh đối với tăng trưởng xanh thông qua ngành lâm nghiệp. Ngành lâm nghiệp Việt Nam có tiềm năng to lớn trong việc tạo việc làm, tăng trưởng kinh tế, giảm thất thoát ngoại hối và tăng hấp thụ các-bon, và nhờ đó lâm nghiệp trở thành một ngành có

hiệu quả đối với việc đạt được các mục tiêu phát triển chung. Sự hỗ trợ của các nhà tài trợ có thể đóng vai trò xúc tác đặc biệt, bằng cách giảm rủi ro liên quan đến đầu tư lâm nghiệp lâu dài.

Liên kết các chương trình hiện có hỗ trợ ngành lâm nghiệp với nhu cầu sản xuất gỗ có giá trị cao. Hiện nay, nhà nước cung cấp nhiều khoản trợ cấp và khoản vay ưu đãi đối với chủ rừng để hỗ trợ chuyển đổi sang trồng rừng gỗ lớn. Tuy nhiên, nhà nước chưa có một chính sách hoặc chương trình riêng để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này. Chính vì thế, cần xây dựng một chương trình „một cửa“ cho các chủ rừng, với các đặc điểm được đề xuất sau đây:

- Hỗ trợ kỹ thuật đối với QLRBV và chứng chỉ rừng, bao gồm cho các cơ quan khuyến lâm
- Hỗ trợ thành lập các hiệp hội trồng rừng quy mô nhỏ và các nhóm liên quan khác
- Hỗ trợ phát triển kinh doanh, bao gồm lập kế hoạch tài chính, quản lý kinh doanh, tiếp cận thị trường và huy động vốn
- Cung cấp các khoản vay lãi suất thấp có kỳ hạn và thời gian ân hạn dài
- Các hình thức bảo lãnh hoặc các sản phẩm khác giúp giảm rủi ro tín dụng
- Các phương án bảo hiểm

Phân bổ các nguồn lực cho các chương trình hiện có. Quyết định 38 và Nghị định 75 đã đưa ra cơ chế phù hợp hỗ trợ ngành lâm nghiệp, nhưng việc thiếu nguồn lực phân bổ cho các chương trình triển khai thực hiện đã làm hạn chế tính hiệu quả của các chính sách.

Xây dựng các phương án hỗ trợ cụ thể, phù hợp với nhu cầu của từng mô hình kinh doanh trồng rừng cải tiến. Mô hình trồng rừng Keo chu kỳ dài để triển khai thực hiện với quy mô lớn hơn. Các sản phẩm tín dụng cải thiện, hỗ trợ phát triển kinh doanh và tiếp thị sẽ hết sức hữu ích để khuyến khích chuyển đổi nhanh trồng rừng Keo chu kỳ ngắn sang chu kỳ dài. Tuy nhiên, mô hình trồng rừng Keo kết hợp với loài bản địa thì chưa thực hiện với quy mô thương mại ngay được, do thiếu nguồn cây giống có chất lượng và chưa có mô hình trình diễn thành công. Việc hỗ trợ các các vườn ươm và mô hình trình diễn đối với mô hình này là những bước quan trọng, để từ đó có cơ sở thực hiện mô hình thành công về lâu dài.

Tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư của khu vực tư nhân. Mặc dù đầu tư của khu vực tư nhân còn hạn chế trong ngành lâm nghiệp ở Việt Nam, nhưng những dự án đầu tư tư nhân lớn trong lĩnh vực nông nghiệp trong thời gian qua cho thấy xu hướng này có thể đảo ngược. Sự chỉ đạo rõ ràng của Chính phủ trong công tác quản lý đất đai, các mô hình liên doanh và chính sách đầu tư nước ngoài có thể làm tăng đầu tư tư nhân. Các cơ chế chia sẻ rủi ro, như bảo lãnh tín dụng hoặc bảo hiểm trợ cấp, cũng có thể khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân. Việc phát hành trái phiếu xanh cho ngành lâm nghiệp sẽ giúp thu hút đầu tư vào ngành này.

Thúc đẩy tiến trình tư nhân hóa các công ty lâm nghiệp nhà nước. Việc thiếu động lực kinh doanh là một rào cản để thu hút đầu tư và chuyển đổi sang mô hình kinh doanh dài hạn.

Học hỏi và nhân rộng Quỹ quay vòng của NHCSXH. Các điều khoản cho vay trồng rừng sản xuất của NHCSXH, đặc biệt là kỳ hạn cho vay và thời gian ân hạn là khá phù hợp với nhu cầu huy động vốn để thực hiện các mô hình trồng rừng chu kỳ dài. Cần có nghiên cứu về Quỹ quay vòng để hiểu rõ cách thức giải ngân các khoản vay, xem xét mức độ các khoản vay có thể thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn. Mô hình cho vay vốn trồng rừng sản xuất của NHCSXH tiếp cận các chủ rừng ở các xã vùng sâu, vùng xa cần được nhân rộng.

Cần liên kết với các công ty chế biến gỗ - bên trung gian có thể liên kết kênh huy động vốn và hỗ trợ kỹ thuật cho các chủ rừng. Với nhu cầu thu mua gỗ xẻ được sản xuất bền vững ngày càng tăng từ các tập đoàn/công ty quốc tế như IKEA, các công ty chế biến gỗ ở Việt Nam như Scansia, cần được đặt vào vị thế tốt để hỗ trợ sản xuất lâm nghiệp giá trị cao, bao gồm cả thông qua việc cấp tài chính cho chuỗi cung ứng.

Ưu tiên phát triển lâm nghiệp có giá trị cao thông qua các nguồn lực phát triển cho Chính phủ Việt Nam vay. Hiện tại, mức nợ công vượt trần của Việt Nam đã hạn chế mức vay thêm. Chính vì thế, Chính phủ cần ưu tiên phát triển ngành lâm nghiệp và đặc biệt là trồng rừng gỗ lớn thông qua các mô hình kinh doanh rừng bền vững được đề xuất.

Cần giải quyết những rào cản phi tài chính khác đối với triển khai thực hiện các mô hình lâm nghiệp dài hạn. Ví dụ, tình trạng không chắc chắn về hạn điền gây khó khăn cho các chủ rừng trong lập kế hoạch trồng rừng dài hạn và tiếp nhận tài chính. Chính phủ cần cải thiện môi trường để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành lâm nghiệp.